NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về Ngân hàng	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Mẫu B02/TCTD-HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất (Mẫu B03/TCTD-HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu B04/TCTD-HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu B05/TCTD-HN)	11

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 26/GP-NHNN ngày 12 tháng 2 năm 2020 Giấy phép thành lập và hoạt động đầu tiên số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992 và được thay thế bởi Giấy phép số 26/GP-NHNN ngày 12 tháng 2 năm 2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày của giấy phép đầu tiên.	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11 tháng 8 năm 1992 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 33 ngày 5 tháng 9 năm 2023.	
Hội đồng Quản trị	Ông Kim Byoungho	Chủ tịch, Thành viên độc lập
	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch thường trực
	Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hữu Đặng	Phó Chủ tịch *(đến ngày 8 tháng 1 năm 2025)*
	Ông Lê Mạnh Dũng	Thành viên độc lập
	Ông Phạm Quốc Thanh	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Quốc Thanh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Hảo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc *(tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2025)*
	Ông Nguyễn Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc *(tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2024)*
	Ông Trần Xuân Huy	Phó Tổng Giám đốc *(tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2024 miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2025)*
	Ông Lê Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)*
	Ông Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính
	Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên	Kế toán Trưởng
Ban Kiểm soát	Ông Đào Duy Tường	Trưởng ban
	Bà Đường Thị Thu	Thành viên
	Bà Bùi Thị Kiều Oanh	Thành viên
	Ông Nguyễn Lê Hiếu	Thành viên
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Quốc Thanh	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("Ngân hàng") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Ngân hàng và công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Ngân hàng và công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 85. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0300608092 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Phạm Quốc Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("Ngân hàng") và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán, chủ yếu từ trang 5 đến trang 85.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 38230796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Nguyễn Hoàng Nam Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2023-006-1 Chữ ký được ủy quyền	Mai Trần Bảo Anh Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4166-2022-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16978
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Mẫu B02/TCTD-HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2024 Triệu đồng	Tại ngày 31.12.2023 Triệu đồng
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	3	**3.105.355**	**2.810.044**
II	**Tiền gửi tại NHNN**	4	**26.680.270**	**41.481.638**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác**		**101.600.254**	**96.514.863**
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	5.1	94.225.901	88.120.085
2	Cho vay các TCTD khác	5.2	7.374.353	8.394.778
IV	**Chứng khoán kinh doanh**		**21.955.775**	**18.580.932**
1	Chứng khoán kinh doanh	6.1	21.955.775	18.580.932
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	7	**-**	**110.079**
VI	**Cho vay khách hàng**	8	**436.606.237**	**339.349.838**
1	Cho vay khách hàng		442.484.841	343.404.295
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(5.878.604)	(4.054.457)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**		**48.751.284**	**44.092.289**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	31.407.524	31.871.688
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.2	17.436.610	12.304.873
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	9.6	(92.850)	(84.272)
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	10	**857.783**	**143.781**
3	Đầu tư vào công ty liên kết		729.739	-
4	Đầu tư dài hạn khác		146.546	163.921
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(18.502)	(20.140)
X	**Tài sản cố định**		**1.765.927**	**1.422.759**
1	Tài sản cố định hữu hình	11.1	887.455	713.141
a	*Nguyên giá*		*1.983.500*	*1.702.786*
b	*Giá trị khấu hao lũy kế*		*(1.096.045)*	*(989.645)*
3	Tài sản cố định vô hình	11.2	878.472	709.618
a	*Nguyên giá*		*1.291.428*	*1.076.187*
b	*Giá trị khấu hao lũy kế*		*(412.956)*	*(366.569)*
XII	**Tài sản Có khác**		**56.043.573**	**57.808.636**
1	Các khoản phải thu	12.1	48.316.273	48.942.933
2	Các khoản lãi, phí phải thu	12.2	5.383.522	6.602.101
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại	31	155.916	76.708
4	Tài sản Có khác	12.3	2.234.788	2.233.415
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(46.926)	(46.521)
	TỔNG TÀI SẢN		**697.366.458**	**602.314.859**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 85 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

			Tại ngày	
		Thuyết minh	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	13	**15.434**	**26.590**
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		15.434	26.590
II	**Tiền gửi và vay các TCTD khác**		**99.460.579**	**112.086.978**
1	Tiền gửi của các TCTD khác	14.1	74.877.046	62.597.686
2	Vay các TCTD khác	14.2	24.583.533	49.489.292
III	**Tiền gửi của khách hàng**	15	**437.505.165**	**370.777.888**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	7	**18.449**	**-**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**	16	**2.788.443**	**2.811.129**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	17	**81.349.744**	**50.938.148**
VII	**Các khoản nợ khác**	18	**19.571.383**	**19.273.804**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	18.1	8.013.166	10.346.499
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	18.2	11.558.217	8.927.305
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**640.709.197**	**555.914.537**
VIII	**Vốn chủ sở hữu**	19	**56.657.261**	**46.400.322**
1	Vốn của TCTD		35.224.020	29.198.918
a	*Vốn điều lệ*		*35.101.423*	*29.076.321*
b	*Vốn đầu tư xây dựng cơ bản*		*89*	*89*
c	*Thặng dư vốn cổ phần*		*535.956*	*535.956*
d	*Cổ phiếu quỹ*		*(413.448)*	*(413.448)*
2	Quỹ của TCTD		6.313.202	4.708.243
5	Lợi nhuận chưa phân phối		12.953.881	10.561.698
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.166.158	1.931.463
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**56.657.261**	**46.400.322**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**697.366.458**	**602.314.859**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2024 Triệu đồng	Tại ngày 31.12.2023 Triệu đồng
1	Bảo lãnh vay vốn	36.1	808.743	809.436
2	Cam kết giao dịch hối đoái	36.1	199.138.079	259.213.350
	- *Cam kết mua ngoại tệ*		*6.816.847*	*4.293.490*
	- *Cam kết bán ngoại tệ*		*8.977.349*	*4.542.374*
	- *Cam kết giao dịch hoán đổi*		*183.343.883*	*250.377.486*
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	36.1	46.476.948	2.191.087
5	Bảo lãnh khác	36.1	24.924.802	15.548.620
6	Các cam kết khác	36.1	12.364.361	5.318.378
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	37.1	3.336.440	2.364.349
8	Nợ khó đòi đã xử lý	37.2	20.134.777	15.584.338
9	Tài sản và chứng từ khác	37.3	47.589.161	27.061.445
			354.773.311	**328.091.003**

Hồ Đặng Hoàng Quyên	Phạm Văn Đầu	Phạm Quốc Thanh
Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc
		Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Mẫu B03/TCTD-HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20	57.995.528	52.640.577
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	21	(27.138.452)	(30.456.603)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**30.857.076**	**22.183.974**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	22	3.295.623	2.830.168
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	23	(1.879.045)	(642.366)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**		**1.416.578**	**2.187.802**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	24	**843.813**	**564.703**
IV	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	25	**68.929**	**41.723**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	26	**68.253**	**1.167.005**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		869.862	541.644
6	Chi phí hoạt động khác		(163.991)	(282.491)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	27	**705.871**	**259.153**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	28	**71.664**	**9.325**
VIII	**Chi phí hoạt động**	29	**(11.980.755)**	**(9.129.202)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**22.051.429**	**17.284.483**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	30	**(5.321.434)**	**(4.267.751)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**16.729.995**	**13.016.732**
7	Chi phí thuế TNDN - hiện hành	31	(3.561.555)	(2.724.629)
8	Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại	31	79.208	43.910
XII	**Chi phí thuế TNDN**		**(3.482.347)**	**(2.680.719)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**13.247.648**	**10.336.013**
	Phân bổ cho:			
	Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Ngân hàng		*12.762.953*	*10.070.898*
	Cổ đông không kiểm soát		*484.695*	*265.115*
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	39.2	**3.671**	**2.899**

Hồ Đặng Hoàng Quyên	Phạm Văn Đẩu	Phạm Quốc Thanh
Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc
		Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		58.776.168	50.366.284
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(29.501.519)	(25.602.661)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.688.787	2.596.238
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc và chứng khoán)		1.428.830	1.654.834
05	Thu nhập khác		285.759	88.876
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		333.106	290.855
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(10.962.548)	(8.980.790)
08	Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	34	(4.466.688)	(2.241.447)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG		**17.581.895**	**18.172.189**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		1.020.425	415.052
10	Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		5.473.554	(12.165.396)
11	Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		110.079	(110.079)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng		(99.080.546)	(79.547.912)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	8.8	(3.497.287)	(3.314.866)
14	Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động		137.731	(14.661.360)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(11.156)	(10.794.668)
16	(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác		(12.626.399)	19.433.778
17	Tăng tiền gửi của khách hàng		66.727.277	154.980.714
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá		30.411.596	6.776.508
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(22.686)	(49.026)
20	Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		18.449	(226.480)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động		2.517.620	1.778.906
22	Chi từ các quỹ của TCTD		(18.159)	(30.315)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		**8.742.393**	**80.657.045**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Tiền chi mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(541.148)	(273.921)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.764	753
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(658.075)	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		17.375	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	9.325
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**(1.180.084)**	**(263.843)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	19.1	200.000	-
04	Cổ tức trả cho cổ đông	19.1	(2.912.550)	(2.515.261)
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		**(2.712.550)**	**(2.515.261)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**4.849.759**	**77.877.941**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM**		**132.411.767**	**54.533.826**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**	32	**137.261.526**	**132.411.767**

Hồ Đặng Hoàng Quyên	Phạm Văn Đầu	Phạm Quốc Thanh
Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc
		Ngày 31 tháng 3 năm 2025